BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 21/2013/TT-BTTTT	*Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2013*

THÔNG TƯ
Quy định doanh thu dịch vụ viễn thông

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Quy định doanh thu dịch vụ viễn thông.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông, bao gồm phương pháp, số liệu để tính doanh thu dịch vụ viễn thông.

2. Doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông quy định tại Thông tư này được sử dụng để xác định thị phần của doanh nghiệp viễn thông, tính khoản đóng góp của doanh nghiệp viễn thông vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và nộp phí quyền hoạt động viễn thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông.

2. Doanh nghiệp viễn thông (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp).

Điều 3. Doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông

1. Doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp ($\mathbf{DT_{VT}}$) là tổng doanh thu của tất cả các dịch vụ viễn thông mà doanh nghiệp kinh doanh:

$$DT_{VT} = \sum_{i}^{n} DT_{VTi}$$

Trong đó:

a) Loại dịch vụ viễn thông **i** mà doanh nghiệp kinh doanh được quy định cụ thể tại Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18/5/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phân loại dịch vụ viễn thông;

b) Doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông **i** ($\mathbf{DT_{VTi}}$) được xác định bằng tổng của doanh thu giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ viễn thông ($\mathbf{DT_{NSDi}}$), doanh thu chênh lệch thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông ($\mathbf{DT_{DNi}}$) và doanh thu chênh lệch thanh toán quốc tế giữa doanh nghiệp viễn thông với các đối tác nước ngoài ($\mathbf{DT_{QTi}}$) của dịch vụ viễn thông **i**:

$$\mathbf{DT_{VTi} = DT_{NSDi} + DT_{DNi} + DT_{QTi}}$$

2. Doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp được phản ánh thành mục riêng (Phụ lục Bảng kê doanh thu dịch vụ viễn thông quy định tại Thông tư này) trong hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định 25/2011/NĐ-CP.

Điều 4. Doanh thu giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ viễn thông

1. Doanh thu giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ viễn thông ($\mathbf{DT_{NSDi}}$) là doanh thu phát sinh khi người sử dụng dịch vụ thanh toán cho doanh nghiệp để sử dụng dịch vụ **i** và được xác định như sau:

$$\mathbf{DT_{NSDi} = DT_{HMi} + DT_{TBi} + DT_{TTi}}$$

2. Doanh thu giá cước hòa mạng ($\mathbf{DT_{HMi}}$) (nếu có) là doanh thu giá cước phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp cho người sử dụng dịch vụ quyền kết nối vào mạng viễn thông khi giao kết hợp đồng với doanh nghiệp.

3. Doanh thu giá cước thuê bao ($\mathbf{DT_{TBi}}$) (nếu có) là doanh thu giá cước phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp cho người sử dụng dịch vụ khả năng duy trì quyền kết nối vào mạng viễn thông trong một thời gian xác định hoặc kết nối vào mạng viễn thông và sử dụng dịch vụ viễn thông trong một thời gian xác định.

4. Doanh thu giá cước thông tin ($\mathbf{DT_{TTi}}$) (nếu có) là doanh thu giá cước phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp cho người sử dụng dịch vụ khả năng gửi, nhận thông tin (thoại, bản tin nhắn, dữ liệu, hình ảnh) qua mạng viễn thông tính theo thời gian liên lạc (phút, giây), theo lượng thông tin (byte) và theo số lượng gói thông tin (cuộc gọi, bản tin nhắn).

Điều 5. Doanh thu chênh lệch thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông

1. Thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp là việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp khi mua, bán dịch vụ hoặc kết nối mạng và dịch vụ với doanh nghiệp khác.

2. Doanh thu chênh lệch thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông ($\mathbf{DT_{DNi}}$) là hiệu số giữa tổng số tiền phải thu (doanh nghiệp có) ($\mathbf{T_{DNCi}}$) và tổng số tiền phải trả (doanh nghiệp nợ) ($\mathbf{T_{DNNi}}$) của doanh nghiệp với doanh nghiệp khác khi thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp đối với dịch vụ **i**:

$$\mathbf{DT_{DNi} = T_{DNCi} - T_{DNNi}}$$

3. Trường hợp khi thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp tổng số tiền phải thu nhỏ hơn tổng số tiền phải trả ($\mathbf{T_{DNCi} < T_{DNNi}}$) thì doanh thu chênh lệch thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông của dịch vụ **i** sẽ giảm đi tương ứng với số chênh lệch giữa tổng số tiền phải trả và tổng số tiền phải thu.

Điều 6. Doanh thu chênh lệch thanh toán quốc tế giữa doanh nghiệp viễn thông với các đối tác nước ngoài

1. Thanh toán quốc tế là việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp khi mua, bán dịch vụ hoặc kết nối mạng và dịch vụ với các đối tác nước ngoài.

2. Doanh thu chênh lệch thanh toán quốc tế giữa doanh nghiệp viễn thông với các đối tác nước ngoài ($\mathbf{DT_{QTi}}$) được tính bằng hiệu số giữa tổng số tiền phải thu (doanh nghiệp có) ($\mathbf{T_{QTCi}}$) và tổng số tiền phải trả (doanh nghiệp nợ) ($\mathbf{T_{QTNi}}$) của doanh nghiệp với đối tác nước ngoài khi thanh toán quốc tế đối với dịch vụ **i**:

$$\mathbf{DT_{QTi} = T_{QTCi} - T_{QTNi}}$$

3. Trường hợp khi thanh toán quốc tế tổng số tiền phải thu nhỏ hơn tổng số tiền phải trả ($\mathbf{T_{QTCi} < T_{QTNi}}$) thì doanh thu chênh lệch thanh toán quốc tế giữa doanh nghiệp viễn thông và đối tác nước ngoài của dịch vụ **i** sẽ được xác định giá trị là không (**0**).

Điều 7. Số liệu để tính doanh thu dịch vụ viễn thông

1. Số liệu để tính doanh thu giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ được xác định như sau:

a) Đối với trường hợp doanh nghiệp xuất hóa đơn cho người sử dụng dịch vụ thì số liệu để tính doanh thu được tổng hợp từ các hóa đơn thanh toán giá cước dịch vụ viễn thông hàng tháng;

b) Đối với trường hợp doanh nghiệp không xuất hóa đơn cho người sử dụng dịch vụ thì số liệu để tính doanh thu là số liệu tính cước hàng tháng được lấy trực tiếp từ hệ thống tính cước của doanh nghiệp.

Hệ thống tính cước của doanh nghiệp là hệ thống thiết bị dùng để thực hiện việc tính cước và in hóa đơn thanh toán giá cước cho người sử dụng dịch vụ viễn thông trên cơ sở các dữ liệu về cuộc gọi được kết xuất hoặc được lấy trực tiếp từ hệ thống thiết bị mạng của doanh nghiệp, các bảng giá cước đang áp dụng và các dữ liệu tính cước có liên quan khác.

2. Số liệu để tính doanh thu chênh lệch thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông được xác định trên cơ sở:

a) Biên bản đối soát số liệu thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp;

b) Hóa đơn (hóa đơn phần thu về mà doanh nghiệp được hưởng, hóa đơn phần trả ra mà đối tác được hưởng);

c) Lệnh chuyển tiền chênh lệch thanh toán mà doanh nghiệp phải trả (khi phần doanh nghiệp thu về nhỏ hơn phần doanh nghiệp trả ra);

d) Bảng sao kê tài khoản mà doanh nghiệp được hưởng (khi phần doanh nghiệp thu về lớn hơn phần doanh nghiệp trả ra).

3. Số liệu để tính doanh thu chênh lệch thanh toán quốc tế giữa doanh nghiệp viễn thông với các đối tác nước ngoài căn cứ vào các nội dung tương tự như quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 8. Quy định về báo cáo doanh thu dịch vụ viễn thông

1. Doanh nghiệp thực hiện báo cáo doanh thu dịch vụ viễn thông và gửi về Cục Viễn thông theo thời hạn quy định tại Thông tư quy định báo cáo nghiệp vụ về mạng viễn thông và dịch vụ viễn thông.

2. Doanh nghiệp phải điều chỉnh Báo cáo doanh thu dịch vụ viễn thông phù hợp với kết quả của kiểm toán (nếu có) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của số liệu báo cáo.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2014.

2. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Viễn thông, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Bắc Son

Phụ lục Bảng kê doanh thu dịch vụ viễn thông

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BTTTT ngày 18/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ DOANH THU DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (1)

Kỳ báo cáo: (theo quy định tại Thông tư quy định báo cáo nghiệp vụ về mạng viễn thông và dịch vụ viễn thông)

Tên doanh nghiệp:.....

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dịch vụ viễn thông (2)	Doanh thu giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ (DT_{NSDi})	Doanh thu chênh lệch thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông (DT_{DNi})	Doanh thu chênh lệch thanh toán quốc tế giữa doanh nghiệp viễn thông với các đối tác nước ngoài (DT_{QTi}) (3)	Doanh thu dịch vụ viễn thông ($DT_{VTi} = DT_{NSDi} + DT_{DNi} + DT_{QTi}$)
1	Dịch vụ viễn thông cố định				
1.1	Dịch vụ viễn thông cố định mặt đất				
a	Dịch vụ điện thoại				
b	Dịch vụ thuê kênh riêng				
c	Dịch vụ truyền số liệu				
...	...	...	...	...	...
1.2	Dịch vụ viễn thông cố định vệ tinh				
...	...	...	...	...	...

STT	Tên dịch vụ viễn thông (2)	Doanh thu giá cước áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ (DT_{NSDi})	Doanh thu chênh lệch thanh toán giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông (DT_{DNi})	Doanh thu chênh lệch thanh toán quốc tế giữa doanh nghiệp viễn thông với các đối tác nước ngoài (DT_{QTi}) (3)	Doanh thu dịch vụ viễn thông ($DT_{VTi} = DT_{NSDi} + DT_{DNi} + DT_{QTi}$)
2	**Dịch vụ viễn thông di động**				
2.1	**Dịch vụ viễn thông di động mặt đất**				
a	**Dịch vụ điện thoại**				
b	**Dịch vụ nhắn tin**				
...	**...**	**...**	**...**	**...**	**...**
...	**...**	**...**	**...**	**...**	**...**
2.2	**Dịch vụ viễn thông di động vệ tinh**				
...	**...**				
Doanh thu dịch vụ viễn thông					$\sum_{1}^{n} DT_{VTi}$

(1)Bảng kê doanh thu dịch vụ viễn thông trong hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP.

(2) Tên dịch vụ viễn thông là dịch vụ theo Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18 tháng 5 năm 2012

(3) Trong trường hợp $DT_{QTi} < 0$ ($T_{QTCi} < T_{QTNi}$) *thì* DT_{QTi} *sẽ được xác định giá trị là không* ***(0)****.*

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)